

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 39/2022/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 23 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 6 tháng 12 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1969. NĐKHKT; Thôn Hang Mon I, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; NĐKHKT: Thôn Hang Mon I, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Nơi tạm trú: Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Đ và ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2013 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La vào ngày 11/9/2013.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà Đ không muốn sinh sống trên Sơn La nữa bà muốn về Hưng Yên để sống cùng ông bà ngoại, ông T không muốn về, không thể bỏ lại công việc về được. Vì vậy ông bà đã xảy ra mâu thuẫn, sau đó đến tháng 8/2022 ông bà đã sống ly thân, trong thời gian ly thân ông bà cũng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay ông bà đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung nên thống nhất thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, bà Đ và ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Đỗ Thị Đ và ông Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: Bà Đ, ông T có 04 con chung là cháu Nguyễn Thị Trang, sinh năm 1991 và cháu Nguyễn Thị Linh, sinh năm 1993; cháu Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1995; cháu Nguyễn Phương Anh, sinh ngày 12/02/2014. Cháu Trang ; cháu Linh; cháu Hằng đã đủ tuổi trưởng thành, nên ông bà không đề nghị tòa án xem xét. Cháu Phương Anh còn nhỏ ông bà thỏa thuận thống nhất sau khi ly hôn bà Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Phương Anh cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Đ do bà Đ không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Ông Bà đều xác định không có tài sản chung cùng như nợ chung, nên không đề nghị tòa án xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Đ tự nguyện chịu nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Đ và ông Nguyễn Văn T nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Đ, ông T có 04 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 và cháu Nguyễn Thị L, sinh năm 1993; cháu Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 12/02/2014. Cháu Tr; cháu L; cháu H đã đủ tuổi trưởng thành, nên ông bà không đề nghị tòa án xem xét. Cháu Phương A còn nhỏ ông bà thỏa thuận thống nhất sau khi ly hôn bà Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Phương Anh cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Đ do bà Đ không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Đỗ Thị Đ tự nguyện chịu nộp toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:

AA/2021/0002322 ngày 06 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã Phiêng Cầm, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Tráng A Tánh